**PHỤ LỤC 02**

**NGÂN HÀNG:**

**BÁO CÁO**

**DANH SÁCH KHÁCH HÀNG VAY THEO CHƯƠNG TRÌNH TÍN DỤNG 120.000 TỶ ĐỒNG****THEO NGHỊ QUYẾT 33/NQ-CP NGÀY 11 THÁNG 03 NĂM 2023 CỦA CHÍNH PHỦ**

*Đơn vị: triệu đồng*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Ngày báo cáo | Mã chi nhánh TCTD | Mã khách | Tên khách | Mã đối tượng | Mã số doanh | CCCD | Số hợp đồng tín | Hạn mức cấp tín | Số khế ước | Mã tiền tệ | Dư nợ | Tên dự án | Địa chỉ dự án | Chủ đầu tư tư dự án | Mã tỉnh, thành phố |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) | (13) | (14) | (15) | (16) | (17) |
|   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
|   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |

**1. Giải thích nội dung báo cáo:**

Cột (2): Là ngày của dữ liệu. Định dạng DDMMYYYY

Cột (3): Là mã 8 ký tự theo quy định tại Thông tư 17/2015/TT-NHNN ngày 21/10/2015 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có)

Cột (4): Mã khách hàng do TCTD cấp (thường được gọi là mã số CIF) là mã số của khách hàng vay, được thiết lập trong cơ sở dữ liệu kế toán của TCTD để quản lý dữ liệu về khách hàng vay đó tại TCTD. Mỗi khách hàng vay

Cột (5): Là tên hợp pháp của tổ chức, cá nhân đã đăng ký với cơ quan có thẩm quyền.

Cột (6): 1 - Chủ đầu tư; 2 - Người mua

Cột (7): Là mã số thuế/mã số doanh nghiệp của khách hàng vay do cơ quan có thẩm quyền cấp

Cột (8): Số căn cước công dân của khách hàng vay do cơ quan công an cấp

Cột (9): Là số hợp đồng tín dụng giữa khách hàng vay và TCTD ký kết theo Chương trình tín dụng 120.000 tỷ đồng (Chương trình)

Cột (10): Là tổng mức tín dụng quy đổi triệu VNĐ theo Chương trình mà TCTD và khách hàng đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng được ký kết

Cột (11): Số giấy nhận nợ được thiết lập trong cơ sở dữ liệu của TCTD khi giải ngân vốn cho khách hàng vay

Cột (12): Bảng mã 06/CIC (sử dụng phần số) theo Thông tư 03/2013/TT-NHNN.

Cột (13): Là tổng số tiền nguyên tệ TCTD đã giải ngân cho khách hàng theo Chương trình đến ngày báo cáo. Đối với tiền Việt Nam đồng đơn vị tính là 1 triệu đồng; đơn vị tính đối với ngoại tệ khác là 1

Cột (14), (15), (16): Thông tin chi tiết về dự án bất động sản mà khách hàng được vay bao gồm: Tên dự án, địa chỉ dự án, tên hợp pháp của chủ đầu tư (với dự án có nhiều chủ đầu tư dùng dấu “;” để ngăn cách tên các chủ đầu tư).

Cột (17): Mã tỉnh, thành phố có dự án bất động sản báo cáo tại cột (14), (15), (16). Bảng mã 01/CIC (lấy phần số)

**2. Tên file báo cáo: N33\_<Mã TCTD> \_<ngày báo cáo>.zzz**

Trong đó:

- Mã TCTD: Gồm 03 ký tự đối với TCTD thực hiện báo cáo tập trung; 08 ký tự đối với chi nhánh TCTD báo cáo trực tiếp về CIC. Mã TCTD, CN TCTD áp dụng theo Thông tư 17/2015/TT-NHNN ngày 21/10/2015 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có)

- Ngày báo cáo: Theo định dạng DDMMYYYY.

- zzz: Là số thứ tự của tệp báo cáo theo ngày báo cáo, bao gồm 03 ký tự, bắt đầu từ 001 (ví dụ: 001, 002...).

**3. Phương thức gửi báo cáo:**

- TCTD gửi báo cáo bằng file điện tử (định dạng excel) về CIC. File báo cáo được gửi thông qua tài khoản đã được CIC cấp quyền báo cáo thông tin tín dụng.

- Thời hạn báo cáo: Định kỳ báo cáo vào ngày 25 và ngày 10 hàng tháng